

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách miễn học phí
học kỳ I năm học 2026 - 2027**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS&THPT QUẢNG LA

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Quảng Ninh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục tư thục trên địa bàn Thành phố Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Quảng Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 640/QĐ-SGDĐT ngày 31/7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Quảng Ninh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách tỉnh năm 2026 cho các đơn vị thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ công văn số 3616/SGDĐT-KHTC ngày 04/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Quảng Ninh về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 và một số nội dung của Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025;

Căn cứ danh sách học sinh đang học tại trường THCS&THPT Quảng La học kỳ I năm học 2026 - 2027;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh trường THCS&THPT Quảng La được hưởng chính sách miễn học phí học kỳ I năm học 2026 – 2027 theo biểu chi tiết đính kèm.

Điều 2. Mức miễn học phí, tổng số học sinh được miễn học phí và nguồn kinh phí thực hiện miễn học phí

1. Mức miễn học phí học kỳ I năm học 2026 – 2027 cho học sinh được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Quảng Ninh như sau:

- Mức miễn học phí đối với học sinh THCS trên địa bàn xã: 115.000 đồng/tháng/học sinh;
- Mức miễn học phí đối với học sinh THPT trên địa bàn xã: 170.000 đồng/tháng/học sinh.

2. Tổng số học sinh được miễn học phí học kỳ I năm học 2026 - 2027: 640 học sinh, trong đó: Học sinh THCS: 247; học sinh THPT: 393.

3. Kinh phí cấp bù thực hiện chính sách miễn học phí học kỳ I năm học 2026 – 2027 cho học sinh được trích từ nguồn ngân sách tỉnh cấp cho Trường THCS&THPT Quảng La, trong đó:

- Số tiền thực hiện chính sách miễn học phí đối với học sinh THCS: 113.620.000 đồng (247 học sinh x 4 tháng x 115.000 đồng/tháng);
- Số tiền thực hiện chính sách miễn học phí đối với học sinh THPT: 267.240.000 đồng (393 học sinh x 4 tháng x 170.000 đồng/tháng);

Tổng số tiền thực hiện chính sách miễn học phí học kỳ I năm học 2026 – 2027 cho học sinh: 380.860.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Điều 3. Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, Tổ trưởng tổ Văn phòng, các tổ chức, cán bộ, giáo viên, nhân viên có liên quan, cha mẹ học sinh và học sinh có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Lưu VT, KT.
- Bản điện tử:
- Cổng thông tin điện tử;
 - Website: <https://thcs-thptquangla.edu.vn>.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Kim Thu

DANH SÁCH HỌC SINH

Hưởng chính sách miễn học phí Học kỳ I năm học 2026 - 2027 theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NQ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND Thành phố Quảng Ninh

*(Kèm theo Quyết định số 173/QĐ-THCS&THPTQL ngày 14/9/2026 của
Trường THCS&THPT Quảng La)*

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
I	HỌC SINH THCS				113.620.000	
1	TRƯỜNG HOÀI AN	6A1	4	115.000	460.000	
2	NGUYỄN BẢO ANH	6A1	4	115.000	460.000	
3	BUI GIA BẢO	6A1	4	115.000	460.000	
4	TRƯỜNG VĂN CƯỜNG	6A1	4	115.000	460.000	
5	HỒ TIẾN ĐẠT	6A1	4	115.000	460.000	
6	HOÀNG THỊ NGỌC HÀ	6A1	4	115.000	460.000	
7	BÀN NGỌC HÂN	6A1	4	115.000	460.000	
8	ĐẶNG PHÚC HIẾU	6A1	4	115.000	460.000	
9	TRƯỜNG GIA HUY	6A1	4	115.000	460.000	
10	LÊ VŨ THẢO LINH	6A1	4	115.000	460.000	
11	LÊ VŨ THUY LINH	6A1	4	115.000	460.000	
12	PHẠM QUỐC LỘC	6A1	4	115.000	460.000	
13	BÀN TÚ LY	6A1	4	115.000	460.000	
14	NGÔ HẢI NAM	6A1	4	115.000	460.000	
15	TRƯỜNG VI NGHĨA	6A1	4	115.000	460.000	
16	PHẠM XUÂN NGỌC	6A1	4	115.000	460.000	
17	GIÁP THẢO NGUYỄN	6A1	4	115.000	460.000	
18	ĐẶNG YẾN NHI	6A1	4	115.000	460.000	
19	LÝ LINH NHI	6A1	4	115.000	460.000	
20	TRẦN GIA PHÁT	6A1	4	115.000	460.000	
21	NGÔ MINH PHONG	6A1	4	115.000	460.000	
22	NGỌC HÀ PHƯƠNG	6A1	4	115.000	460.000	
23	LÊ BẢO SƠN	6A1	4	115.000	460.000	
24	ĐẶNG THỊ THANH TÂM	6A1	4	115.000	460.000	
25	BÀN VĨ THẠCH	6A1	4	115.000	460.000	
26	NGUYỄN QUỐC THÁI	6A1	4	115.000	460.000	
27	NGUYỄN VĂN THÀNH	6A1	4	115.000	460.000	
28	TRẦN PHƯƠNG THẢO	6A1	4	115.000	460.000	
29	LÝ MINH THẮNG	6A1	4	115.000	460.000	
30	HOÀNG NHƯ TÌNH	6A1	4	115.000	460.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
31	BUI MINH TRANG	6A1	4	115.000	460.000	
32	NGUYỄN MAI TRANG	6A1	4	115.000	460.000	
33	ĐẶNG PHƯƠNG UYÊN	6A1	4	115.000	460.000	
34	TRẦN ĐÌNH NGỌC YẾN	6A1	4	115.000	460.000	
35	TRƯƠNG TRƯỜNG QUANG	6A1	4	115.000	460.000	
36	ĐẶNG BẢO AN	6A2	4	115.000	460.000	
37	NGUYỄN HOÀNG HOÀI AN	6A2	4	115.000	460.000	
38	ĐẶNG MINH ANH	6A2	4	115.000	460.000	
39	NGUYỄN HÀ ANH	6A2	4	115.000	460.000	
40	NGUYỄN THẾ ANH	6A2	4	115.000	460.000	
41	NGUYỄN NGỌC ÁNH	6A2	4	115.000	460.000	
42	BÀN THỊ QUỲNH CHI	6A2	4	115.000	460.000	
43	GIÁP MẠNH ĐẠT	6A2	4	115.000	460.000	
44	TRƯƠNG ĐÔNG ĐAN	6A2	4	115.000	460.000	
45	TRƯƠNG THỊ ĐÀO	6A2	4	115.000	460.000	
46	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	6A2	4	115.000	460.000	
47	NGUYỄN HẢI ĐẶNG	6A2	4	115.000	460.000	
48	TRẦN MINH ĐỨC	6A2	4	115.000	460.000	
49	TRƯƠNG QUỲNH GIAO	6A2	4	115.000	460.000	
50	TRẦN NGỌC HẢI	6A2	4	115.000	460.000	
51	ĐẶNG NGỌC HÂN	6A2	4	115.000	460.000	
52	NGUYỄN NGỌC KHẢ HÂN	6A2	4	115.000	460.000	
53	BÀN VĂN HUY	6A2	4	115.000	460.000	
54	ĐẶNG GIA HÙNG	6A2	4	115.000	460.000	
55	NGÔ GIA HÙNG	6A2	4	115.000	460.000	
56	ĐẶNG THÚY KIỀU	6A2	4	115.000	460.000	
57	TRƯƠNG THUY LINH	6A2	4	115.000	460.000	
58	PHẠM BÌNH MINH	6A2	4	115.000	460.000	
59	VŨ THIÊN MINH	6A2	4	115.000	460.000	
60	ĐẶNG TRÀ MY	6A2	4	115.000	460.000	
61	NGUYỄN BÍCH NGỌC	6A2	4	115.000	460.000	
62	TRIỆU BẢO NGỌC	6A2	4	115.000	460.000	
63	ĐẶNG QUỐC NỔI	6A2	4	115.000	460.000	
64	TRƯƠNG NGỌC QUYỀN	6A2	4	115.000	460.000	
65	BÀN CHÍ THANH	6A2	4	115.000	460.000	
66	TRẦN THÀNH THỊNH	6A2	4	115.000	460.000	
67	NGUYỄN ANH THU	6A2	4	115.000	460.000	
68	TRIỆU BẢO TRÂM	6A2	4	115.000	460.000	
69	TRƯƠNG TUẤN VŨ	6A2	4	115.000	460.000	
70	BÀNG KHÁNH LY	6A2	4	115.000	460.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
71	PHẠM LÝ NGỌC ANH	7A	4	115.000	460.000	
72	ĐẶNG THỊ BÌNH	7A	4	115.000	460.000	
73	ĐẶNG LINH CHI	7A	4	115.000	460.000	
74	ĐOÀN VĂN CÔNG	7A	4	115.000	460.000	
75	NGUYỄN THUY DƯƠNG	7A	4	115.000	460.000	
76	PHẠM ĐỨC DƯƠNG	7A	4	115.000	460.000	
77	ĐẶNG HẢI ĐĂNG	7A	4	115.000	460.000	
78	LÊ HẢI ĐĂNG	7A	4	115.000	460.000	
79	NGUYỄN HỒNG HẠNH	7A	4	115.000	460.000	
80	ĐẶNG THỊ HIỀN	7A	4	115.000	460.000	
81	VŨ ĐỨC HUY	7A	4	115.000	460.000	
82	ĐẶNG ANH KHOA	7A	4	115.000	460.000	
83	TRẦN NGỌC HUY	7A	4	115.000	460.000	
84	BÀN THỊ NGỌC KHUÊ	7A	4	115.000	460.000	
85	LÝ TRUNG KIÊN	7A	4	115.000	460.000	
86	TRẦN THỊ NGỌC LAN	7A	4	115.000	460.000	
87	LƯƠNG BẢO LÂM	7A	4	115.000	460.000	
88	NGUYỄN HOÀI LÂM	7A	4	115.000	460.000	
89	TRƯƠNG HẢI LÂM	7A	4	115.000	460.000	
90	HÀ BẢO LONG	7A	4	115.000	460.000	
91	HOÀNG BẢO LONG	7A	4	115.000	460.000	
92	NGUYỄN ĐỨC LỘC	7A	4	115.000	460.000	
93	NGUYỄN QUANG MINH	7A	4	115.000	460.000	
94	TRƯƠNG THỊ KHÁNH NGỌC	7A	4	115.000	460.000	
95	LINH TÀI NGUYÊN	7A	4	115.000	460.000	
96	TRẦN THẢO NGUYÊN	7A	4	115.000	460.000	
97	HOÀNG THỊ THU NGUYỆT	7A	4	115.000	460.000	
98	TRƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT	7A	4	115.000	460.000	
99	LINH THỊ QUỲNH NHƯ	7A	4	115.000	460.000	
100	TRƯƠNG TẤN PHÁT	7A	4	115.000	460.000	
101	BÀN VĂN KHÁNH PHI	7A	4	115.000	460.000	
102	DƯƠNG THƯ PHỦ	7A	4	115.000	460.000	
103	LIÊU THIÊN PHÚC	7A	4	115.000	460.000	
104	TRẦN GIA PHÚC	7A	4	115.000	460.000	
105	TRIỆU HỮU QUANG	7A	4	115.000	460.000	
106	TRƯƠNG TRIỆU QUÂN	7A	4	115.000	460.000	
107	ĐẶNG LINH SAN	7A	4	115.000	460.000	
108	NGUYỄN TRÍ THÀNH	7A	4	115.000	460.000	
109	TRIỆU HỮU THIÊN	7A	4	115.000	460.000	
110	PHẠM HOÀNG THỊNH	7A	4	115.000	460.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
111	NGUYỄN THANH TRÚC	7A	4	115.000	460.000	
112	TRƯƠNG TUẤN TÚ	7A	4	115.000	460.000	
113	LƯƠNG VĂN TUÂN	7A	4	115.000	460.000	
114	TRƯƠNG NGỌC TUÂN	7A	4	115.000	460.000	
115	TRẦN ĐẶNG QUỐC VIỆT	7A	4	115.000	460.000	
116	NGUYỄN HOÀI AN	8A	4	115.000	460.000	
117	VŨ THỊ VÂN ANH	8A	4	115.000	460.000	
118	BÙI MẠNH CƯỜNG	8A	4	115.000	460.000	
119	NGÔ DƯƠNG DƯƠNG	8A	4	115.000	460.000	
120	TẠ THÀNH ĐẠT	8A	4	115.000	460.000	
121	TRẦN MINH ĐẠT	8A	4	115.000	460.000	
122	NGÔ TRÍ ĐỨC	8A	4	115.000	460.000	
123	GIÁP MINH ĐỨC	8A	4	115.000	460.000	
124	LÝ THUYẾT SƠN HÀ	8A	4	115.000	460.000	
125	NGUYỄN THU HÀ	8A	4	115.000	460.000	
126	TRƯƠNG MINH HẰNG	8A	4	115.000	460.000	
127	KHÚC TRẦN NGỌC HÂN	8A	4	115.000	460.000	
128	ĐẶNG VĂN HIỀN	8A	4	115.000	460.000	
129	BÀN THIÊN HƯƠNG	8A	4	115.000	460.000	
130	HOÀNG MINH HỮU	8A	4	115.000	460.000	
131	LÝ THỊ KHAI	8A	4	115.000	460.000	
132	VŨ ĐĂNG KHOA	8A	4	115.000	460.000	
133	NGỌC PHƯƠNG LINH	8A	4	115.000	460.000	
134	LÝ ĐỨC MINH	8A	4	115.000	460.000	
135	TRƯƠNG QUANG MINH	8A	4	115.000	460.000	
136	VŨ HOÀNG MINH	8A	4	115.000	460.000	
137	NGUYỄN THẢO MY	8A	4	115.000	460.000	
138	TRẦN ĐỨC NAM	8A	4	115.000	460.000	
139	TRẦN HOÀNG NAM	8A	4	115.000	460.000	
140	LÝ VĂN NĂNG	8A	4	115.000	460.000	
141	LÝ ÁNH KIM NGỌC	8A	4	115.000	460.000	
142	NGÔ BẢO NHI	8A	4	115.000	460.000	
143	TRẦN YẾN NHI	8A	4	115.000	460.000	
144	TRƯƠNG LINH NHI	8A	4	115.000	460.000	
145	LÝ VĂN PHÁT	8A	4	115.000	460.000	
146	ĐỖ MINH PHÚC	8A	4	115.000	460.000	
147	ĐẶNG MINH PHƯỚC	8A	4	115.000	460.000	
148	NGÔ THỊ LAN PHƯƠNG	8A	4	115.000	460.000	
149	TRƯƠNG THỊ MAI PHƯƠNG	8A	4	115.000	460.000	
150	NGUYỄN NHẬT QUÂN	8A	4	115.000	460.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
151	TRẦN THỊ PHƯƠNG THANH	8A	4	115.000	460.000	
152	NGUYỄN NGỌC THANH THẢO	8A	4	115.000	460.000	
153	BÀN VĂN THIỆN	8A	4	115.000	460.000	
154	BÀN QUỐC THỊNH	8A	4	115.000	460.000	
155	HÀ LÊ MỸ TRÀ	8A	4	115.000	460.000	
156	PHẠM ĐỨC TRUNG	8A	4	115.000	460.000	
157	LIÊU QUẢNG TRƯỜNG	8A	4	115.000	460.000	
158	VŨ SONG VŨ	8A	4	115.000	460.000	
159	TRẦN NGUYỄN THẢO VY	8A	4	115.000	460.000	
160	NGUYỄN NGỌC BẢO AN	9A1	4	115.000	460.000	
161	BÙI ĐÌNH HẢI ANH	9A1	4	115.000	460.000	
162	NGỌC VÂN ANH	9A1	4	115.000	460.000	
163	TRƯỜNG VIỆT ANH	9A1	4	115.000	460.000	
164	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	9A1	4	115.000	460.000	
165	ĐỖ HOÀNG CÚC	9A1	4	115.000	460.000	
166	LIÊU NGỌC DIỆP	9A1	4	115.000	460.000	
167	BÙI TUẤN ĐẠT	9A1	4	115.000	460.000	
168	ĐẶNG HẢI ĐĂNG	9A1	4	115.000	460.000	
169	NGUYỄN MINH ĐỨC	9A1	4	115.000	460.000	
170	NGUYỄN LƯƠNG GIANG	9A1	4	115.000	460.000	
171	ĐẶNG PHÚC HẢI	9A1	4	115.000	460.000	
172	NGÔ MINH HIỀN	9A1	4	115.000	460.000	
173	ĐÌNH TRỌNG HIỂU	9A1	4	115.000	460.000	
174	NGUYỄN THU HOÀI	9A1	4	115.000	460.000	
175	GÌ VĂN HUẤN	9A1	4	115.000	460.000	
176	NGUYỄN THANH HUYỀN	9A1	4	115.000	460.000	
177	TRƯƠNG KHÁNH HƯNG	9A1	4	115.000	460.000	
178	BÀN VĂN KHÁNH	9A1	4	115.000	460.000	
179	LIÊU MINH KHUÊ	9A1	4	115.000	460.000	
180	BÙI NGỌC LINH	9A1	4	115.000	460.000	
181	ĐẶNG HOÀNG LONG	9A1	4	115.000	460.000	
182	LÂM BẢO LONG	9A1	4	115.000	460.000	
183	NGUYỄN THỊ THẢO LY	9A1	4	115.000	460.000	
184	ĐÀO BẢO NAM	9A1	4	115.000	460.000	
185	LƯƠNG VĂN NAM	9A1	4	115.000	460.000	
186	TRẦN BÍCH NGÂN	9A1	4	115.000	460.000	
187	ĐÌNH TRỌNG NGHĨA	9A1	4	115.000	460.000	
188	LÝ MINH NHẬT	9A1	4	115.000	460.000	
189	TẠ THỊ YẾN NHI	9A1	4	115.000	460.000	
190	HOÀNG THANH PHÚ	9A1	4	115.000	460.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
191	HOÀNG NGỌC SƠN	9A1	4	115.000	460.000	
192	ĐẶNG MINH THÀNH	9A1	4	115.000	460.000	
193	LÝ TIỀN THÀNH	9A1	4	115.000	460.000	
194	GIÁP PHƯƠNG THẢO	9A1	4	115.000	460.000	
195	NGÔ PHƯƠNG THẢO	9A1	4	115.000	460.000	
196	PHẠM QUỲNH TRÂM	9A1	4	115.000	460.000	
197	NGUYỄN VŨ BẢO TRÂN	9A1	4	115.000	460.000	
198	NGỌC ĐỨC TRUNG	9A1	4	115.000	460.000	
199	TRƯƠNG VĨNH TUỜNG	9A1	4	115.000	460.000	
200	NGUYỄN BẢO UYÊN	9A1	4	115.000	460.000	
201	GIÁP ĐÌNH VĂN	9A1	4	115.000	460.000	
202	PHẠM PHƯƠNG VY	9A1	4	115.000	460.000	
203	TRƯƠNG THỊ KHÁNH VY	9A1	4	115.000	460.000	
204	LÝ BÌNH AN	9A2	4	115.000	460.000	
205	TRẦN QUỐC AN	9A2	4	115.000	460.000	
206	NGUYỄN DUY ANH	9A2	4	115.000	460.000	
207	VŨ HOÀNG HẢI BĂNG	9A2	4	115.000	460.000	
208	TRƯƠNG NGỌC CHÂU	9A2	4	115.000	460.000	
209	TRIỆU THỊ KIỀU CHINH	9A2	4	115.000	460.000	
210	ĐẶNG MINH CƯỜNG	9A2	4	115.000	460.000	
211	TRẦN QUỐC CƯỜNG	9A2	4	115.000	460.000	
212	VŨ NGỌC DIỄM	9A2	4	115.000	460.000	
213	TRẦN ĐỨC DUY	9A2	4	115.000	460.000	
214	NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	9A2	4	115.000	460.000	
215	ĐẶNG VĂN ĐẠT	9A2	4	115.000	460.000	
216	LÝ MINH ĐỨC	9A2	4	115.000	460.000	
217	HOÀNG THU HÀ	9A2	4	115.000	460.000	
218	VŨ BÙI QUẢNG HÙNG	9A2	4	115.000	460.000	
219	TRƯƠNG VĂN KHÁNH	9A2	4	115.000	460.000	
220	NGỌC ĐĂNG KHOA	9A2	4	115.000	460.000	
221	ĐẶNG TRUNG KIÊN	9A2	4	115.000	460.000	
222	LƯƠNG TRUNG KIÊN	9A2	4	115.000	460.000	
223	CHU TUẤN KIẾT	9A2	4	115.000	460.000	
224	NGỌC MỸ LINH	9A2	4	115.000	460.000	
225	ĐẶNG DUY LONG	9A2	4	115.000	460.000	
226	ĐẶNG PHI LONG	9A2	4	115.000	460.000	
227	NGỌC CHÂN LONG	9A2	4	115.000	460.000	
228	TRƯƠNG THỊ TRÀ MY	9A2	4	115.000	460.000	
229	BÙI MINH NGỌC	9A2	4	115.000	460.000	
230	NGUYỄN MINH NGỌC	9A2	4	115.000	460.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
231	HOÀNG TRẦN LINH NHI	9A2	4	115.000	460.000	
232	GIÁP PHÚ QUÝ	9A2	4	115.000	460.000	
233	ĐINH THỊ HỒNG QUYÊN	9A2	4	115.000	460.000	
234	LÝ BỘI SANG	9A2	4	115.000	460.000	
235	ĐẶNG MINH TÂM	9A2	4	115.000	460.000	
236	HOÀNG TIẾN THÀNH	9A2	4	115.000	460.000	
237	TRƯỜNG THỊ THỦY	9A2	4	115.000	460.000	
238	TRƯỜNG HOÀI THƯƠNG	9A2	4	115.000	460.000	
239	ĐẶNG BẢO THY	9A2	4	115.000	460.000	
240	ĐẶNG THUY TRÂM	9A2	4	115.000	460.000	
241	NGÔ THANH TRÚC	9A2	4	115.000	460.000	
242	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	9A2	4	115.000	460.000	
243	NGÔ ANH TUẤN	9A2	4	115.000	460.000	
244	ĐẶNG THANH TUYỀN	9A2	4	115.000	460.000	
245	TRẦN NGỌC MINH VƯƠNG	9A2	4	115.000	460.000	
246	PHẠM HÀ VY	9A2	4	115.000	460.000	
247	TRƯỜNG THỊ HÀ VY	9A2	4	115.000	460.000	
II	HỌC SINH THPT				267.240.000	
1	VŨ VIỆT ANH	10A1	4	170.000	680.000	
2	TRƯỜNG NGỌC ÁNH	10A1	4	170.000	680.000	
3	LÝ BẢO CHINH	10A1	4	170.000	680.000	
4	NGUYỄN TIẾN CƯỜNG	10A1	4	170.000	680.000	
5	TRIỆU QUÝ CƯỜNG	10A1	4	170.000	680.000	
6	ĐẶNG THỊ ÁNH DƯƠNG	10A1	4	170.000	680.000	
7	LÝ QUỐC DƯƠNG	10A1	4	170.000	680.000	
8	NGÔ THỊ ÁNH DƯƠNG	10A1	4	170.000	680.000	
9	NGÔ THỊ THUY DƯƠNG	10A1	4	170.000	680.000	
10	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	10A1	4	170.000	680.000	
11	PHẠM HOÀNG HẢI ĐĂNG	10A1	4	170.000	680.000	
12	NGUYỄN VĂN ĐỨC	10A1	4	170.000	680.000	
13	NGUYỄN VĂN GIANG	10A1	4	170.000	680.000	
14	TRẦN THỊ MINH HẰNG	10A1	4	170.000	680.000	
15	TRƯỜNG THẾ HIỂN	10A1	4	170.000	680.000	
16	KHÚC HUY HOÀNG	10A1	4	170.000	680.000	
17	LƯƠNG HUY HOÀNG	10A1	4	170.000	680.000	
18	PHẠM VIỆT HOÀNG	10A1	4	170.000	680.000	
19	TRẦN KHÁNH HUYỀN	10A1	4	170.000	680.000	
20	CHU GIA HÙNG	10A1	4	170.000	680.000	
21	TRƯỜNG THÁI HÙNG	10A1	4	170.000	680.000	
22	HOÀNG THỊ HOA LÊ	10A1	4	170.000	680.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
23	ĐẶNG THẢO LINH	10A1	4	170.000	680.000	
24	LÝ LƯU LINH	10A1	4	170.000	680.000	
25	NGÔ PHƯƠNG LINH	10A1	4	170.000	680.000	
26	TRIỆU GIA NGHĨA	10A1	4	170.000	680.000	
27	ĐINH KHÔI NGUYỄN	10A1	4	170.000	680.000	
28	NGUYỄN THỊ THANH NHÂN	10A1	4	170.000	680.000	
29	BÀN MINH NHẬT	10A1	4	170.000	680.000	
30	BÀN THỊ LINH NHI	10A1	4	170.000	680.000	
31	LÝ TUYẾT NHI	10A1	4	170.000	680.000	
32	BÙI MAI PHƯƠNG	10A1	4	170.000	680.000	
33	ĐẶNG THÀNH TẤN	10A1	4	170.000	680.000	
34	NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO	10A1	4	170.000	680.000	
35	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	10A1	4	170.000	680.000	
36	TRIỆU PHƯƠNG THẢO	10A1	4	170.000	680.000	
37	NGUYỄN THỊ ANH THU	10A1	4	170.000	680.000	
38	BÙI TRAI TRẮNG	10A1	4	170.000	680.000	
39	GIÁP ĐẠI TRƯỜNG	10A1	4	170.000	680.000	
40	ĐẶNG HẠ TUYẾT	10A1	4	170.000	680.000	
41	HOÀNG THANH VÂN	10A1	4	170.000	680.000	
42	PHẠM TUẤN VIỆT	10A1	4	170.000	680.000	
43	NGỌC HÀ VY	10A1	4	170.000	680.000	
44	VŨ KHÁNH VY	10A1	4	170.000	680.000	
45	NGÔ THỊ NHƯ Ý	10A1	4	170.000	680.000	
46	LÊ HOÀNG YẾN	10A1	4	170.000	680.000	
47	HOÀNG LỤC TÙNG CHI	10A2	4	170.000	680.000	
48	TRƯƠNG HỮU DUỆ	10A2	4	170.000	680.000	
49	LÊ XUÂN DŨNG	10A2	4	170.000	680.000	
50	HOÀNG KHÁNH DUY	10A2	4	170.000	680.000	
51	NGUYỄN KHÁNH DUY	10A2	4	170.000	680.000	
52	HOÀNG ĐỨC DUY	10A2	4	170.000	680.000	
53	BÀN THỊ DUYỀN	10A2	4	170.000	680.000	
54	PHẠM TIẾN DỰ	10A2	4	170.000	680.000	
55	LÝ VĂN GIÁP	10A2	4	170.000	680.000	
56	CHU MINH HẰNG	10A2	4	170.000	680.000	
57	HOÀNG PHƯƠNG HẬU	10A2	4	170.000	680.000	
58	NGUYỄN TRUNG HIẾU	10A2	4	170.000	680.000	
59	NGUYỄN NGỌC HOA	10A2	4	170.000	680.000	
60	NGUYỄN THỊ THANH HOA	10A2	4	170.000	680.000	
61	TRẦN THỊ HOA	10A2	4	170.000	680.000	
62	LINH TÀI HUY	10A2	4	170.000	680.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
63	LÝ NGUYỄN KHANH	10A2	4	170.000	680.000	
64	NGUYỄN TRUNG KIÊN	10A2	4	170.000	680.000	
65	PHẠM THUY LINH	10A2	4	170.000	680.000	
66	TRẦN THẢO LINH	10A2	4	170.000	680.000	
67	ĐỖ KHÁNH LY	10A2	4	170.000	680.000	
68	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	10A2	4	170.000	680.000	
69	ĐẶNG HOÀNG MINH	10A2	4	170.000	680.000	
70	CHU BẢO NAM	10A2	4	170.000	680.000	
71	PHẠM THỊ THẢO NGUYỄN	10A2	4	170.000	680.000	
72	VŨ TẤN PHÁT	10A2	4	170.000	680.000	
73	LÊ TUẤN PHONG	10A2	4	170.000	680.000	
74	NGỌC THIÊN PHÚ	10A2	4	170.000	680.000	
75	LÊ HỮU PHƯỚC	10A2	4	170.000	680.000	
76	TRƯƠNG VINH QUANG	10A2	4	170.000	680.000	
77	NGUYỄN THỂ QUYỀN	10A2	4	170.000	680.000	
78	TRẦN THANH SƠN	10A2	4	170.000	680.000	
79	TRIỆU HỮU TÀI	10A2	4	170.000	680.000	
80	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	10A2	4	170.000	680.000	
81	NGUYỄN MẠNH THẮNG	10A2	4	170.000	680.000	
82	BÀNG ĐỨC THỊNH	10A2	4	170.000	680.000	
83	ĐẶNG MINH THÔNG	10A2	4	170.000	680.000	
84	NGUYỄN MAI THUY	10A2	4	170.000	680.000	
85	DƯƠNG THU THỦY	10A2	4	170.000	680.000	
86	BÀN THỊ MINH THU	10A2	4	170.000	680.000	
87	HOÀNG THU TRANG	10A2	4	170.000	680.000	
88	TRỊNH THU TRANG	10A2	4	170.000	680.000	
89	TRƯƠNG NGỌC TRẦN	10A2	4	170.000	680.000	
90	VƯƠNG THỊ ÁNH TUYẾT	10A2	4	170.000	680.000	
91	ĐẶNG TRƯỞNG HÀ VI	10A2	4	170.000	680.000	
92	HOÀNG MINH VŨ	10A2	4	170.000	680.000	
93	BÀN THỊ ANH	10A3	4	170.000	680.000	
94	TRẦN THỊ LAN ANH	10A3	4	170.000	680.000	
95	TRIỆU THỊ QUỲNH ANH	10A3	4	170.000	680.000	
96	BÀN LÝ HUYỀN BĂNG	10A3	4	170.000	680.000	
97	TRIỆU THỊ LÝ DIỄM	10A3	4	170.000	680.000	
98	LÝ SINH DƯƠNG	10A3	4	170.000	680.000	
99	HÀ HUY ĐẠT	10A3	4	170.000	680.000	
100	TRƯƠNG VĂN ĐỒNG	10A3	4	170.000	680.000	
101	HOÀNG MINH ĐỨC	10A3	4	170.000	680.000	
102	DƯƠNG HOÀNG ĐỨC	10A3	4	170.000	680.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
103	BÀN THỊ GIANG	10A3	4	170.000	680.000	
104	ĐÀO HƯƠNG GIANG	10A3	4	170.000	680.000	
105	ĐÌNH THỊ THU HÀ	10A3	4	170.000	680.000	
106	HÀ VIỆT HÙNG	10A3	4	170.000	680.000	
107	LƯƠNG TUẤN HÙNG	10A3	4	170.000	680.000	
108	ẤN THANH HUYỀN	10A3	4	170.000	680.000	
109	NGUYỄN MẠNH HÙNG	10A3	4	170.000	680.000	
110	TRIỆU TIẾN HÙNG	10A3	4	170.000	680.000	
111	TRẦN VĂN TUẤN KIẾT	10A3	4	170.000	680.000	
112	TRƯƠNG MÃN LỆ	10A3	4	170.000	680.000	
113	BÀN ĐỨC LỘC	10A3	4	170.000	680.000	
114	TRIỆU HOÀNG LUÂN	10A3	4	170.000	680.000	
115	ĐẶNG THẢO LY	10A3	4	170.000	680.000	
116	LÝ BẢO NGÂN	10A3	4	170.000	680.000	
117	ĐẶNG HIẾU NGHĨA	10A3	4	170.000	680.000	
118	LÃNG CHÍNH NGHĨA	10A3	4	170.000	680.000	
119	TRIỆU BẢO NGỌC	10A3	4	170.000	680.000	
120	ĐẶNG VĂN NHẬT	10A3	4	170.000	680.000	
121	TRẦN TẠ TUYẾT NHI	10A3	4	170.000	680.000	
122	HOÀNG Y PHƯƠNG	10A3	4	170.000	680.000	
123	PHẠM THỊ LỆ QUYÊN	10A3	4	170.000	680.000	
124	BÀN SINH QUYẾT	10A3	4	170.000	680.000	
125	BÀN PHÚC SANG	10A3	4	170.000	680.000	
126	ĐẶNG LÝ TUẤN TÀI	10A3	4	170.000	680.000	
127	LÝ VĂN THÀNH	10A3	4	170.000	680.000	
128	ĐẶNG TRÍ THIÊN	10A3	4	170.000	680.000	
129	ĐÌNH NGỌC THIÊN	10A3	4	170.000	680.000	
130	ĐẶNG THỊ ANH THU	10A3	4	170.000	680.000	
131	BÀNG QUỐC TỈNH	10A3	4	170.000	680.000	
132	LÝ HƯƠNG TRÀ	10A3	4	170.000	680.000	
133	NGUYỄN QUỐC VIỆT	10A3	4	170.000	680.000	
134	PHAN ĐẶNG DUY VỸ	10A3	4	170.000	680.000	
135	NGUYỄN QUỲNH ANH	11A1	4	170.000	680.000	
136	CHU THỊ NGỌC ÁNH	11A1	4	170.000	680.000	
137	LINH THÁI BẢO	11A1	4	170.000	680.000	
138	LƯƠNG HÀ CHI	11A1	4	170.000	680.000	
139	ĐỖ MINH CHIẾN	11A1	4	170.000	680.000	
140	LIÊU NHẬT CƯỜNG	11A1	4	170.000	680.000	
141	NGUYỄN QUỐC DŨNG	11A1	4	170.000	680.000	
142	NGUYỄN ĐỨC DUY	11A1	4	170.000	680.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
143	ĐẶNG THÁI DƯƠNG	11A1	4	170.000	680.000	
144	TRẦN TRIỆU ÁNH DƯƠNG	11A1	4	170.000	680.000	
145	TRẦN YẾN GIANG	11A1	4	170.000	680.000	
146	TRƯƠNG THỊ HÀ GIANG	11A1	4	170.000	680.000	
147	HOÀNG TRUNG HẢI	11A1	4	170.000	680.000	
148	TRIỆU NGỌC HÂN	11A1	4	170.000	680.000	
149	TRƯỜNG NGỌC HÂN	11A1	4	170.000	680.000	
150	LÝ THỂ HIỆU	11A1	4	170.000	680.000	
151	PHẠM NGỌC HUYỀN	11A1	4	170.000	680.000	
152	NGUYỄN TUẤN HÙNG	11A1	4	170.000	680.000	
153	DƯƠNG HÀ LINH	11A1	4	170.000	680.000	
154	ĐẶNG THỊ THUY LINH	11A1	4	170.000	680.000	
155	TRƯỜNG KHÁNH LINH	11A1	4	170.000	680.000	
156	VŨ HOÀNG LINH	11A1	4	170.000	680.000	
157	TRẦN THỊ KIỀU LY	11A1	4	170.000	680.000	
158	LƯƠNG THỊ NGỌC MAI	11A1	4	170.000	680.000	
159	CÁI HOÀNG MẠNH	11A1	4	170.000	680.000	
160	NGUYỄN HÀ MY	11A1	4	170.000	680.000	
161	TRỊNH KIỀU MY	11A1	4	170.000	680.000	
162	ĐINH VĂN NAM	11A1	4	170.000	680.000	
163	CHU THỊ BÍCH NGỌC	11A1	4	170.000	680.000	
164	NGUYỄN HỒNG NGỌC	11A1	4	170.000	680.000	
165	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	11A1	4	170.000	680.000	
166	ĐẶNG THỊ YẾN NHI	11A1	4	170.000	680.000	
167	TRIỆU THỊ YẾN NHI	11A1	4	170.000	680.000	
168	LÝ GIA NHƯ	11A1	4	170.000	680.000	
169	LÊ LÂM PHONG	11A1	4	170.000	680.000	
170	VŨ TUẤN PHÚC	11A1	4	170.000	680.000	
171	ĐÀM QUANG THANH	11A1	4	170.000	680.000	
172	LÝ THỊ THAO	11A1	4	170.000	680.000	
173	HOÀNG THANH THẢO	11A1	4	170.000	680.000	
174	TRỊNH KHÁNH THY	11A1	4	170.000	680.000	
175	ĐẶNG THANH TRÚC	11A1	4	170.000	680.000	
176	LƯƠNG ĐOÀN ÁNH TUYẾT	11A1	4	170.000	680.000	
177	TRƯỜNG NGỌC VÂN	11A1	4	170.000	680.000	
178	HOÀNG QUỐC VIỆT	11A1	4	170.000	680.000	
179	BÙI HIỆU VŨ	11A1	4	170.000	680.000	
180	LÝ THỂ ANH	11A2	4	170.000	680.000	
181	NGUYỄN THỂ ANH	11A2	4	170.000	680.000	
182	TRƯỜNG QUỐC ANH	11A2	4	170.000	680.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
183	LÝ QUỐC BẢO	11A2	4	170.000	680.000	
184	PHẠM XUÂN CẢNH	11A2	4	170.000	680.000	
185	TRƯƠNG ĐẠI CÁT	11A2	4	170.000	680.000	
186	TRIỆU THÙY CHÂM	11A2	4	170.000	680.000	
187	LƯƠNG PHƯƠNG CHI	11A2	4	170.000	680.000	
188	LÝ THANH CHÚC	11A2	4	170.000	680.000	
189	TRIỆU THANH CHÚC	11A2	4	170.000	680.000	
190	NGUYỄN THẾ CƯỜNG	11A2	4	170.000	680.000	
191	PHẠM ĐỨC DŨNG	11A2	4	170.000	680.000	
192	CHU LINH ĐAN	11A2	4	170.000	680.000	
193	LÝ VĂN ĐAN	11A2	4	170.000	680.000	
194	TRIỆU ĐỨC ĐƯỜNG	11A2	4	170.000	680.000	
195	TRIỆU THANH HÀ	11A2	4	170.000	680.000	
196	HOÀNG GIA HÂN	11A2	4	170.000	680.000	
197	TỪ MINH HIỆU	11A2	4	170.000	680.000	
198	TRIỆU THỊ KHƯƠNG	11A2	4	170.000	680.000	
199	ĐẶNG THỊ MY LAN	11A2	4	170.000	680.000	
200	BÀN THỊ HÀ LINH	11A2	4	170.000	680.000	
201	LÝ THẾ LONG	11A2	4	170.000	680.000	
202	NGUYỄN HOÀNG BẢO LONG	11A2	4	170.000	680.000	
203	VI VĂN LỢI	11A2	4	170.000	680.000	
204	ĐINH HẢI NAM	11A2	4	170.000	680.000	
205	PHAN THẾ NAM	11A2	4	170.000	680.000	
206	BÙI BÍCH NGỌC	11A2	4	170.000	680.000	
207	DƯƠNG HOÀNG NGUYỄN	11A2	4	170.000	680.000	
208	TRIỆU TÀI LONG NHẬT	11A2	4	170.000	680.000	
209	NGUYỄN TRIỆU YẾN NHI	11A2	4	170.000	680.000	
210	TẠ YẾN NHI	11A2	4	170.000	680.000	
211	TRIỆU QUÝ PHI	11A2	4	170.000	680.000	
212	VI THỰC QUYÊN	11A2	4	170.000	680.000	
213	LÃ VĂN SANG	11A2	4	170.000	680.000	
214	ĐẶNG VĂN TÂM	11A2	4	170.000	680.000	
215	TRIỆU KIM THÀNH	11A2	4	170.000	680.000	
216	DƯƠNG THỊ THẢO	11A2	4	170.000	680.000	
217	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	11A2	4	170.000	680.000	
218	DƯƠNG ĐỨC THỊNH	11A2	4	170.000	680.000	
219	TRƯƠNG THỦY TIỀN	11A2	4	170.000	680.000	
220	ĐẶNG HẢI TIỀN	11A2	4	170.000	680.000	
221	HOÀNG ĐÌNH TRUNG	11A2	4	170.000	680.000	
222	TRƯƠNG THỊ KIỀU VI	11A2	4	170.000	680.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
223	HOÀNG HẢI XUÂN	11A2	4	170.000	680.000	
224	ĐẶNG HẢI YẾN	11A2	4	170.000	680.000	
225	TRƯƠNG HOÀI ANH	11A3	4	170.000	680.000	
226	HOÀNG LÝ HUYỀN CHÂM	11A3	4	170.000	680.000	
227	NGỌC ÁNH CHI	11A3	4	170.000	680.000	
228	VŨ YẾN CHI	11A3	4	170.000	680.000	
229	ĐẶNG THÀNH CÔNG	11A3	4	170.000	680.000	
230	DƯƠNG PHÚC CƯỜNG	11A3	4	170.000	680.000	
231	LỘC THỊ HỒNG DIỆN	11A3	4	170.000	680.000	
232	TRIỆU THẢO DUYÊN	11A3	4	170.000	680.000	
233	TRIỆU BÍCH DƯƠNG	11A3	4	170.000	680.000	
234	LÝ BẢO ĐAN	11A3	4	170.000	680.000	
235	TRỊNH TIẾN ĐOÀN	11A3	4	170.000	680.000	
236	BÀN TRUNG ĐÔNG	11A3	4	170.000	680.000	
237	TRẦN MINH ĐỨC	11A3	4	170.000	680.000	
238	TRƯƠNG VĂN HẢI	11A3	4	170.000	680.000	
239	LÝ THỊ HẰNG	11A3	4	170.000	680.000	
240	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	11A3	4	170.000	680.000	
241	BÀN VĂN HOÀNG	11A3	4	170.000	680.000	
242	BÀN THỊ HUẾ	11A3	4	170.000	680.000	
243	TRẦN MẠNH HÙNG	11A3	4	170.000	680.000	
244	VŨ DUY KHOA	11A3	4	170.000	680.000	
245	LÝ HẢI LAM	11A3	4	170.000	680.000	
246	TRIỆU QUÝ LÂM	11A3	4	170.000	680.000	
247	ĐỖ HỒNG MINH	11A3	4	170.000	680.000	
248	BÙI NGUYỆT NGÀ	11A3	4	170.000	680.000	
249	ĐOÀN THANH NGOAN	11A3	4	170.000	680.000	
250	LÝ THỊ NGỌC	11A3	4	170.000	680.000	
251	LƯƠNG THỊ ÁNH NGỌC	11A3	4	170.000	680.000	
252	BÀN THỊ NGUYỆT	11A3	4	170.000	680.000	
253	TRIỆU QUÝ NHÂN	11A3	4	170.000	680.000	
254	TRƯƠNG ĐẠI PHÚ	11A3	4	170.000	680.000	
255	CHU THANH TÂM	11A3	4	170.000	680.000	
256	DƯƠNG ANH THU	11A3	4	170.000	680.000	
257	BÀNG THỊ NGỌC THƯƠNG	11A3	4	170.000	680.000	
258	BÀN THỦY TIỀN	11A3	4	170.000	680.000	
259	NÔNG VĂN TIẾP	11A3	4	170.000	680.000	
260	PHƯƠNG HUYỀN TRANG	11A3	4	170.000	680.000	
261	TRƯƠNG KIỀU TRINH	11A3	4	170.000	680.000	
262	MÈ THỊ HUYỀN TRINH	11A3	4	170.000	680.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
263	TRỊNH XUÂN TRƯỜNG	11A3	4	170.000	680.000	
264	TRỊNH TUẤN TÚ	11A3	4	170.000	680.000	
265	LÝ ANH TUẤN	11A3	4	170.000	680.000	
266	ĐẶNG THỊ MINH TUYẾT	11A3	4	170.000	680.000	
267	LINH ĐỨC TƯỜNG	11A3	4	170.000	680.000	
268	TRƯƠNG LONG VŨ	11A3	4	170.000	680.000	
269	TRIỆU THÙY VY	11A3	4	170.000	680.000	
270	HOÀNG MAI ANH	12A1	4	170.000	680.000	
271	NGUYỄN HẢI ANH	12A1	4	170.000	680.000	
272	LÊ NGỌC ÁNH	12A1	4	170.000	680.000	
273	CHU DIỆU CHÂU	12A1	4	170.000	680.000	
274	NGUYỄN DIỆU LINH CHI	12A1	4	170.000	680.000	
275	ĐỖ TRIỆU NGỌC DIỄM	12A1	4	170.000	680.000	
276	TRIỆU THỊ DUNG	12A1	4	170.000	680.000	
277	PHẠM VĂN DUY	12A1	4	170.000	680.000	
278	NGUYỄN THỊ HẢI DƯƠNG	12A1	4	170.000	680.000	
279	BÙI THÀNH ĐẠT	12A1	4	170.000	680.000	
280	TRIỆU THỊ HÀ	12A1	4	170.000	680.000	
281	PHẠM VÕ HIỆP	12A1	4	170.000	680.000	
282	LÝ SINH HÙNG	12A1	4	170.000	680.000	
283	BÀN VĂN HUY	12A1	4	170.000	680.000	
284	VŨ DUY HÙNG	12A1	4	170.000	680.000	
285	BÀN THỊ HOÀI LINH	12A1	4	170.000	680.000	
286	GIÁP NGUYỄN PHƯƠNG LINH	12A1	4	170.000	680.000	
287	TRẦN PHƯƠNG LINH	12A1	4	170.000	680.000	
288	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	12A1	4	170.000	680.000	
289	TRƯƠNG CÔNG MINH	12A1	4	170.000	680.000	
290	NGUYỄN THỊ THẢO MY	12A1	4	170.000	680.000	
291	TRẦN THỊ TRÀ MY	12A1	4	170.000	680.000	
292	TRƯƠNG THẢO MY	12A1	4	170.000	680.000	
293	ĐẶNG HOA NGÂN	12A1	4	170.000	680.000	
294	LÝ THỊ HỒNG NGỌC	12A1	4	170.000	680.000	
295	VI THỐNG NHẤT	12A1	4	170.000	680.000	
296	NGỌC LINH NHI	12A1	4	170.000	680.000	
297	TRƯƠNG THỊ NHI	12A1	4	170.000	680.000	
298	LÝ HOÀI NHƯ	12A1	4	170.000	680.000	
299	HOÀNG THANH PHONG	12A1	4	170.000	680.000	
300	TRIỆU QUÝ PHÚ	12A1	4	170.000	680.000	
301	LÝ NGUYỄN THÁI SƠN	12A1	4	170.000	680.000	
302	NGÔ NGỌC THẢO	12A1	4	170.000	680.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
303	BÙI GIA TRANG	12A1	4	170.000	680.000	
304	BÀN THỊ QUỲNH TRÂM	12A1	4	170.000	680.000	
305	ĐẶNG THUY TRÂM	12A1	4	170.000	680.000	
306	CHU BẢO TRÂN	12A1	4	170.000	680.000	
307	NGUYỄN ANH TÚ	12A1	4	170.000	680.000	
308	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	12A1	4	170.000	680.000	
309	TRƯỜNG THÚY VI	12A1	4	170.000	680.000	
310	VŨ KHÁNH VI	12A1	4	170.000	680.000	
311	NGÔ QUANG VINH	12A1	4	170.000	680.000	
312	ĐẶNG THỊ VY YÊN	12A1	4	170.000	680.000	
313	TRIỆU KIM AN	12A2	4	170.000	680.000	
314	BÀN GIA BẢO	12A2	4	170.000	680.000	
315	TRƯỜNG GIA BẢO	12A2	4	170.000	680.000	
316	PHẠM ĐOÀN PHI BẰNG	12A2	4	170.000	680.000	
317	LÝ THỊ NGỌC DIỆP	12A2	4	170.000	680.000	
318	TỔNG KHÁNH DƯƠNG	12A2	4	170.000	680.000	
319	NGỌC XUÂN ĐĂNG	12A2	4	170.000	680.000	
320	VŨ HẢI ĐĂNG	12A2	4	170.000	680.000	
321	TRẦN TIẾN ĐỨC	12A2	4	170.000	680.000	
322	NGUYỄN DUY HÙNG	12A2	4	170.000	680.000	
323	TRẦN VĂN HÙNG	12A2	4	170.000	680.000	
324	TRƯỜNG THẾ KIÊN	12A2	4	170.000	680.000	
325	LÝ ANH KIẾT	12A2	4	170.000	680.000	
326	HOÀNG LÊ TÙNG LÂM	12A2	4	170.000	680.000	
327	TRƯỜNG THÀNH LỘC	12A2	4	170.000	680.000	
328	NGÔ TUẤN LỤC	12A2	4	170.000	680.000	
329	PHẠM HẢI NAM	12A2	4	170.000	680.000	
330	BÀN VĂN NGHĨA	12A2	4	170.000	680.000	
331	ĐẶNG TIẾN NGHĨA	12A2	4	170.000	680.000	
332	TRƯỜNG THỊ QUỲNH NHƯ	12A2	4	170.000	680.000	
333	ĐẶNG THỊ MAI PHƯƠNG	12A2	4	170.000	680.000	
334	TRẦN DUY QUANG	12A2	4	170.000	680.000	
335	NGÔ TRUNG QUÂN	12A2	4	170.000	680.000	
336	NGUYỄN ĐỨC QUÂN	12A2	4	170.000	680.000	
337	TRIỆU KIM QUÂN	12A2	4	170.000	680.000	
338	NGUYỄN THÀNH SƠN	12A2	4	170.000	680.000	
339	DƯƠNG ĐỨC TÂM	12A2	4	170.000	680.000	
340	TRƯỜNG VĂN THÁI	12A2	4	170.000	680.000	
341	ĐẶNG THỊ THẢO	12A2	4	170.000	680.000	
342	NGỌC PHƯƠNG THẢO	12A2	4	170.000	680.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
343	TRIỆU THỊ THẨM	12A2	4	170.000	680.000	
344	BÀN HẢI THIÊN	12A2	4	170.000	680.000	
345	TRIỆU QUÝ THIÊN	12A2	4	170.000	680.000	
346	TRẦN KIM THU	12A2	4	170.000	680.000	
347	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	12A2	4	170.000	680.000	
348	CHU BẢO THY	12A2	4	170.000	680.000	
349	NGUYỄN MINH TIẾN	12A2	4	170.000	680.000	
350	TRIỆU QUÝ TÙNG	12A2	4	170.000	680.000	
351	DỊP ĐỨC VIỆT	12A2	4	170.000	680.000	
352	TRƯƠNG TRIỆU TUẤN VŨ	12A2	4	170.000	680.000	
353	TẠ THỊ HẢI YẾN	12A2	4	170.000	680.000	
354	TRIỆU QUÝ AN	12A3	4	170.000	680.000	
355	CHU THỊ NGỌC ANH	12A3	4	170.000	680.000	
356	TRƯƠNG KIM ANH	12A3	4	170.000	680.000	
357	ĐẶNG GIA BẢO	12A3	4	170.000	680.000	
358	PHẠM THÙY CHI	12A3	4	170.000	680.000	
359	TRƯƠNG CHÍ DŨNG	12A3	4	170.000	680.000	
360	TRIỆU THỊ DUYÊN	12A3	4	170.000	680.000	
361	LƯƠNG THẾ DƯƠNG	12A3	4	170.000	680.000	
362	HOÀNG VIỆT ĐỨC	12A3	4	170.000	680.000	
363	VŨ BÙI HUY HIỆU	12A3	4	170.000	680.000	
364	ĐẶNG LƯU VIỆT HOA	12A3	4	170.000	680.000	
365	NGUYỄN THỊ THANH HOA	12A3	4	170.000	680.000	
366	BÀN THỊ HUYỀN	12A3	4	170.000	680.000	
367	DƯƠNG NAM KHÁNH	12A3	4	170.000	680.000	
368	BÀN NHẬT LAM	12A3	4	170.000	680.000	
369	ĐINH PHƯƠNG LINH	12A3	4	170.000	680.000	
370	GIÁP HẢI LÝ	12A3	4	170.000	680.000	
371	ÂN HỮU MINH	12A3	4	170.000	680.000	
372	TRIỆU THỊ MỸ	12A3	4	170.000	680.000	
373	LÝ VĂN NGUYỄN	12A3	4	170.000	680.000	
374	PHẠM HỒNG NHUNG	12A3	4	170.000	680.000	
375	LINH THỊ MỸ NƯƠNG	12A3	4	170.000	680.000	
376	TRIỆU QUÝ PHÁT	12A3	4	170.000	680.000	
377	ĐẶNG QUANG PHONG	12A3	4	170.000	680.000	
378	ĐÀM THỊ QUYÊN	12A3	4	170.000	680.000	
379	NGUYỄN THỊ TÚ QUYÊN	12A3	4	170.000	680.000	
380	TRIỆU THỊ QUYÊN	12A3	4	170.000	680.000	
381	TRƯƠNG LINH SƠN	12A3	4	170.000	680.000	
382	TRẦN LÝ THU THẢO	12A3	4	170.000	680.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
383	NGÔ BẢO THI	12A3	4	170.000	680.000	
384	NGUYỄN HOÀNG BẢO THU	12A3	4	170.000	680.000	
385	ĐẶNG MINH THU	12A3	4	170.000	680.000	
386	NGỌC XUÂN TRƯỜNG	12A3	4	170.000	680.000	
387	TRƯƠNG ANH TUẤN	12A3	4	170.000	680.000	
388	LIU ANH TUYẾT	12A3	4	170.000	680.000	
389	CHU VI PHÚC UY	12A3	4	170.000	680.000	
390	TRƯƠNG BẢO UY	12A3	4	170.000	680.000	
391	ĐẶNG QUỐC VIỆT	12A3	4	170.000	680.000	
392	HOÀNG HÀ VY	12A3	4	170.000	680.000	
393	HÀ LÝ NHƯ Ý	12A3	4	170.000	680.000	
640	TỔNG CỘNG (= I + II)				380.860.000	

(Danh sách này có 640 học sinh./.)